

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Võ

2. Bà Phan Phương Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10/7/2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXX-ST ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 06, xã H, huyện H, tỉnh P

- Bị đơn: Chị Khổng Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 08, xã M, huyện Đ, tỉnh P

Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Phạm Văn C trình bày:

Anh và chị Khổng Thị T kết hôn năm 2011 trên cơ sở hai bên đều tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã H, huyện H, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại xã H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ năm 2013 chị T đã đưa con về nhà bố mẹ tại xã M, huyện Đ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung là Phạm Phương V, sinh ngày 21/02/2012, cháu đã ở với chị T từ nhỏ đến nay. Sau khi ly hôn anh để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh C xác nhận không có.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là chị Khổng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Quá trình làm việc với bố đẻ chị T là ông Khổng Văn H và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M đều thể hiện: Chị Khổng Thị T và anh Phạm Văn C có đăng ký kết hôn với nhau năm 2011 tại UBND xã H, huyện H. Quá trình chung sống do xảy ra mâu thuẫn, nên từ năm 2013 chị Thu đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã M, huyện Đ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ông H cũng xác nhận việc anh C xin ly hôn chị T có biết. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, ông H đều nhận và thông báo cho chị T, chị T biết nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn C và chị Khổng Thị T.

- Về con chung: Giao cho chị Khổng Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Phương V, sinh ngày 21/02/2012. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh C xác nhận không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Phạm Văn C cư trú tại xã H, huyện H, tỉnh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Khổng Thị T, cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh P nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Khổng Thị T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Khổng Thị T đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã H, huyện H trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống với nhau. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã căng

thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy việc anh C xin ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung là Phạm Phương V, sinh ngày 21/02/2012, cháu đang ở với chị T. Anh C đề nghị sau khi ly hôn để cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu V cũng xin được ở với mẹ. Do vậy sau khi ly hôn sẽ giao con chung của vợ chồng cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Nếu chị T đề nghị cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh C xác nhận không có và không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn C và chị Khổng Thị T.

2. Về con chung: Giao cho chị Khổng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Phương V, sinh ngày 21/02/2012 cho đến khi thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Văn C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền anh C phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số: 0002251 ngày 10/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoàn Hùng. Anh C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Phạm Văn C và chị Không Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoàn Hùng;
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Vũ Thường